

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-PT  
Ngày: 05/9/2024  
V/v ly hôn, chia tài sản chung  
khi ly hôn

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt**

**Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyết Linh**

**Bà Nguyễn Ái Đoan**

- **Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 8 và ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 về “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 69/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 389/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Y, sinh năm 1990 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Văn X, sinh năm 1938 (Vắng mặt);

2. Bà Huỳnh Thị E, sinh năm 1948 (Vắng mặt);

3. Anh Trần Thanh P, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

4. Chị Lê Thị K, sinh năm 1970 (Vắng mặt);
  5. Chị Trần Thị T1, sinh năm 1976 (Vắng mặt);
  6. Chị Trần Thị H, sinh năm 1982 (Vắng mặt);
  7. Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1983 (Vắng mặt);
  8. Anh Trần Văn C, sinh năm 1986 (Vắng mặt);
  9. Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1985 (Vắng mặt);
  10. Chị Trần Thị Thanh N1, sinh năm 2005 (Vắng mặt);
  11. Chị Trần Thị M, sinh năm 1976 (Vắng mặt);
  12. Chị Trần Thị T2, sinh năm 1979 (Vắng mặt);
- Cùng địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.  
- *Người kháng cáo*: Bị đơn Nguyễn Văn T

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Y trình bày:* Chị và anh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 13/7/2009 và Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 26/11/2012. Khi ly hôn, chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.
- Về cấp dưỡng: Chị Y yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Mỗi cháu 1.000.000 đồng) cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung: Chị cho rằng trong quá trình chung sống, chị và anh T có tài sản chung gồm: 12 cây mai vàng, 01 dàn máy Karaoke, 01 chiếc xe ba gác, 01 chiếc xe honda loại exciter, 01 chiếc xe honda loại TAURUSSR, 01 căn nhà và đất có diện tích khoảng 108 m<sup>2</sup> tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nguồn gốc mua của ông Trần Văn X và bà Huỳnh Thị E vào tháng 11 năm 2021 chưa làm thủ tục sang tên và 1.000 m<sup>2</sup> đất trồng mít tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nguồn gốc nhận chuyển nhượng của anh chồng tên Nguyễn Văn H3 và hiện do cha chồng là ông Nguyễn Văn S đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa làm thủ tục sang tên cho vợ chồng chị. Khi ly hôn chị Y

yêu cầu chia các tài sản chung này như sau:

+ Chị Y xin nhận hiện vật là 01 căn nhà và đất có diện tích 108 m<sup>2</sup> tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, 02 cây mai vàng và 01 chiếc xe máy hiệu TAURUSSR. Còn 01 dàn máy Karaoke, 01 chiếc xe ba gác, chị Y xin nhận ½ giá trị bằng tiền.

+ Chị Y giao cho anh T 02 cây mai vàng và 01 chiếc xe máy Exciter.

+ Phần đất có diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup> trồng mít tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chị Y đồng ý giao cho anh T và yêu cầu nhận ½ giá trị tài sản.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/7/2023, chị Y có đơn xin rút lại yêu cầu chia phần đất có diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup> tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 08 cây mai vàng đang trồng trên phần đất này; 01 chiếc xe máy hiệu TAURUSSR.

Ngày 26/01/2024, chị Y có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Chị Y yêu cầu chia tài sản chung là 01 căn nhà có diện tích 62,4 m<sup>2</sup> trên phần đất có diện tích 96,8 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 1034, tờ bản đồ số 01, diện tích 899 m<sup>2</sup> tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; 04 cây mai vàng trên phần diện tích đất 96,8 m<sup>2</sup>. Chị Y yêu cầu được nhận hiện vật là nhà, đất và 02 cây mai vàng. Chia cho anh T 02 cây mai vàng đồng thời chị sẽ hoàn trả ½ giá trị nhà và đất cho anh T theo Biên bản định giá ngày 02/8/2023 của Hội đồng định giá. Chị Y1 xin rút lại yêu cầu chia tài sản là 01 dàn máy Karaoke, 01 chiếc xe ba gác và 01 chiếc xe máy Exciter.

Chị thống nhất với bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 08/8/2023; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2023 và giá trị tài sản theo biên bản định giá ngày 02/8/2023.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về thời gian kết hôn, con chung như chị Y trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay chị Y xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 13/7/2009 và Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 26/11/2012. Khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị Y nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: Anh thống nhất chia tài sản chung là 01 căn nhà có diện tích 62,4 m<sup>2</sup> trên phần đất có diện tích 96,8 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số số 1034, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; 04 cây mai vàng trên phần diện tích đất 96,8 m<sup>2</sup>. Anh yêu cầu được nhận hiện vật là nhà, đất và 02 cây mai vàng. Chia cho chị Y 02 cây mai vàng đồng thời anh sẽ hoàn trả ½ giá trị nhà và đất cho chị Y theo Biên bản định giá ngày 02/8/2023 của Hội đồng định giá.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình thẩm số 69/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 38, Điều 39, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Y về việc yêu cầu chia tài sản chung là phần đất có diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup> tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 08 cây mai vàng đang trồng trên phần đất này; 01 chiếc xe máy hiệu TAURUSSR; 01 dàn máy Karaoke, 01 chiếc xe ba gác và 01 chiếc xe máy Exciter.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Y.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn với nhau.

2.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 13/7/2009 và Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 26/11/2012 cho chị Trần Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 13/7/2009 và Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 26/11/2012 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H1 và cháu H2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Y có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành án đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2.3. Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn T là phần đất trồng cây lâu năm có diện tích 96,8 m<sup>2</sup> và 01 căn nhà có diện tích: 62,4 m<sup>2</sup> gắn liền với đất thuộc một phần của thửa đất số 1034, tờ bản đồ số 01, diện tích 899 m<sup>2</sup> (Nay là thửa đất số 1, tờ bản đồ số 17) tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 04 cây mai vàng trên đất.

- Chia cho chị Y trực tiếp quản lý, sử dụng và định đoạt phần đất trồng cây lâu năm có diện tích 96,8 m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu số “1” kèm theo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C) và 01 căn nhà có kết cấu: Mái tôn, cột kèo thép, vách tôn, nền xi măng + nền gạch ceramic 500 x 500 + nền đất, diện tích: 62,4 m<sup>2</sup> gắn liền với đất thuộc một phần của thửa đất số 1, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 02 cây mai vàng trên đất. Phần đất có tứ cận sau:

- + Phía Đông giáp đường nhựa;
- + Phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1;
- + Phía Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1;
- + Phía Bắc giáp đất của Nguyễn Xuân P1.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho anh T 02 cây mai vàng trên phần đất có diện tích 96,8 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Buộc chị Y có nghĩa vụ hoàn lại cho anh T ½ giá trị căn nhà và đất là 88.696.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Y chậm thi hành án đối với số tiền còn nợ thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Chị Y có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả lại cho chị Trần Thị Y ½ số tiền đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 2.227.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, bị đơn Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm số 69/2024/HNGĐ- ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo hướng: giao con chung tên Nguyễn Quốc H2 sinh ngày 26/11/2012 cho chị Trần Thị Y nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 13/7/2009 cho anh T nuôi dưỡng; về căn nhà thì giao cho anh T tiếp tục quản lý, sử dụng, anh T đồng ý hoàn lại ½ giá trị cho chị Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị Y chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Quốc H2, mức cấp dưỡng 1.000.000đồng/ tháng. Chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1; Tài sản chung thì chị Y yêu cầu nhận tài sản bằng hiện vật là căn nhà cùng 02 cây mai; chị Y đồng ý thối chia trị giá tài sản chung bằng tiền cho anh T là 88.696.400 đồng; Bị đơn Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, anh T xin nuôi 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung thì anh T xin nhận chia tài sản bằng hiện vật và thối chia bằng tiền cho chị Y. Chị Y và anh T cùng thỏa thuận, giá trị tài sản chung của vợ chồng là 177.392.800đồng, anh T xin nhận bằng hiện vật và thối chia giá trị cho chị Y 88.696.400đồng . Chị Y và anh T cùng đồng ý tại phiên tòa phúc thẩm với nội dung, trường hợp Tòa án chia căn nhà cho ai thì người đó được toàn quyền thỏa thuận với gia đình ông Trần Văn X , bà Huỳnh Thị E sử dụng phần diện tích đất mua bằng giấy tay theo nội dung thỏa thuận ghi ngày 23/11/2021.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Xét kháng cáo của anh T trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung kháng cáo của anh T:

+ Về con chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Y chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu H2 mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu đủ 18 tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh T yêu cầu nuôi 01 con chung cháu H1, cháu H1 không đồng ý là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của anh T.

+ Về tài sản chung: Tòa án sơ thẩm chia cho chị Y tài sản chung bằng hiện vật căn nhà, đất là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm cho chị Y được kê khai

đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 96,8m<sup>2</sup> là không đúng với quy định tại Quyết định số 04/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh T quy định về diện tích tối thiểu tách thửa quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Y, anh T thống nhất bản định giá tài sản ngày 02/8/2023 do Tòa án sơ thẩm tiến hành định giá và thỏa thuận trường hợp Tòa án giao căn nhà, đất cho ai sử dụng thì người đó tự chịu trách nhiệm thỏa thuận về quyền sử dụng đất với hộ gia đình ông X, bà E, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị Y có quyền tự thỏa thuận với hộ gia đình ông X, bà E về việc sử dụng phần diện tích đất đã nhận chuyển nhượng bằng giấy tay ngày 23/11/2021 và chia cho anh T ½ giá trị căn nhà, đất theo biên bản định giá tài sản ngày 02/8/2023.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận 01 phần kháng cáo của anh T, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng nhận định như trên.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn T, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “ *Ly hôn , chia tài sản khi ly hôn* ” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì anh T kháng cáo bản án trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T và chị Y cùng trình bày, Anh T và chị Y hiện đang tranh chấp cùng yêu cầu được nhận tài sản chung bằng hiện vật là căn nhà của vợ chồng , nên đề nghị hội đồng xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án . Xét thấy, bản chất việc tranh chấp của chị Y và anh T tại phiên tòa phúc thẩm là tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, xin nhận tài sản chung vợ chồng bằng hiện vật là căn nhà. Cho nên việc vắng mặt của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án phúc thẩm. hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo đề nghị của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Y và anh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị Y khởi kiện xin ly hôn anh T; Chị Y yêu cầu nuôi 02 con chung yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

(1.000.000đồng/01 con chung); Tài sản chung: là 01 căn nhà gắn liền với phần đất khoản 96,8m<sup>2</sup> (mua bằng giấy tay). Chị Y xin nhận nhà và đất và chia ½ giá trị bằng tiền cho anh T. Sau khi xét xử sơ thẩm thì anh T kháng cáo yêu cầu nuôi 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 13/7/2009, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung thì anh T yêu cầu nhận nhà, đất bằng hiện vật và thối chia cho chị Y ½ giá trị bằng tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm thì chị Y và anh T cùng xác định tài sản chung của vợ chồng gồm căn nhà và phần đất (mua bằng giấy tay năm 2021) có trị giá bằng tiền là 177.392.800đồng. Nếu tòa phúc thẩm chia cho ai được hưởng thì phải thối lại ½ giá trị bằng tiền là 88.696.400đồng. Người được chia căn nhà thì có trách nhiệm tự thỏa thuận với gia đình ông Trần Văn X, bà Trần Thị E1 để thỏa thuận (hoặc tranh chấp) việc sử dụng đất đối với phần đất sang nhượng bằng giấy tay ghi ngày 23/11/2021.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Trước hết, đối với quan hệ hôn nhân thì quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm thì chị Y và anh T thuận tình ly hôn được Tòa án sơ thẩm ghi nhận là phù hợp với pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì các bên không kháng cáo, Viện kiểm Sát không kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

[3.2] Về con chung, quá trình sinh sống chị Y và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 13/7/2009 và Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 26/11/2012. Tòa án sơ thẩm đã xét xử giao 02 con chung cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/01 con chung là có căn cứ đúng pháp luật. Bởi lẽ các con chung đang chung sống ổn định với chị Y và các cháu cũng có nguyện vọng sống với chị Y. Anh T kháng cáo yêu cầu nuôi 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 13/7/2009, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị Y thì không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh T và trình bày, hiện 02 con chung có mặt tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Tòa xem xét nguyện vọng các con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Trường hợp cả hai con chung muốn sống với chị Y thì chị Y chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng đối với cháu Nguyễn Quốc H2 mà thôi. Anh T cũng giao nộp cho Tòa án phúc thẩm một bản tự khai ghi tên Nguyễn Thị Ngọc H1 trình bày có nguyện vọng sống với cha (anh T). Tòa án phúc thẩm đã hỏi tại phiên tòa phúc thẩm để làm rõ nguyện vọng của các con chung thì cháu Ngọc H1 và cháu Quốc H2 đều có nguyện vọng sống với mẹ (chị Y). Riêng tờ tường trình về lời trình bày của cháu Ngọc H1 do anh T giao nộp cho tòa án phúc thẩm thì cháu Ngọc H1 cho rằng bị cha ruột ép buộc ký tên, nên cháu Ngọc H1 không đồng ý



chung sống với anh T. Xét thấy, anh T kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung tên Ngọc H1 là không có cơ sở, không được chấp nhận. Riêng việc chị Y thay đổi yêu cầu về việc chị Y chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Quốc H2, đây là quyền tự định đoạt của chị Y và có lợi cho anh T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Y. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh T về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử phúc thẩm giao 02 con chung cho chị Y nuôi dưỡng và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 26/11/2012, mỗi tháng với số tiền 1.000.000đồng.

[3.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa phúc thẩm chị Y và anh T cùng thỏa thuận giá trị tài sản chung là căn nhà gắn liền với phần đất (mua bằng giấy tay) của gia đình ông Trần Văn X, bà Trần Thị E1 trị giá bằng tiền là 177.392.800đồng. Tòa sơ thẩm đã xét xử giao cho chị Y toàn bộ nhà và đất, buộc chị Y hoàn trả  $\frac{1}{2}$  giá trị bằng tiền cho anh T. Anh T kháng cáo xin nhận bằng hiện vật và hoàn trả trị giá bằng tiền cho chị Y. Xét thấy, cả chị Y và anh T đều có nguyện vọng nhận tài sản chung bằng hiện vật. Tuy nhiên, chị Y là giới nữ, hiện đang nuôi 02 con chung, nên Tòa án sơ thẩm đã giao toàn bộ nhà đất cho chị Y là có căn cứ đúng pháp luật. Anh T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh nên kháng cáo của anh T là không có cơ sở.

Xét nội dung quyết định của bản án sơ thẩm giao cho chị Y sở hữu toàn bộ căn nhà có kết cấu: Mái tôn, cột kèo thép, vách tôn, nền xi măng + nền gạch ceramic 500 x 500 + nền đất, diện tích: 62,4 m<sup>2</sup> gắn liền với đất thuộc một phần của thửa đất số 1, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 02 cây mai vàng trên đất là đúng pháp luật.

Riêng việc Tòa án sơ thẩm giao cho chị Y phần đất có diện tích 96,8 m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu số “1” kèm theo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C) và chị Y được quyền kê khai đứng tên quyền sử dụng đất là không đúng. Bởi lẽ, căn cứ theo quy định tại Quyết định số: 04/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh T quy định điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang thì diện tích 96,8 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm không đủ điều kiện tách thửa. Hơn nữa, căn cứ vào giấy tay chuyển nhượng đất do ông Trần Văn X, bà Trần Thị E1 chuyển nhượng đất cho vợ chồng anh T thì hình thể, diện tích đất là khác nhau. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản đo đạc đất chuyển nhượng đều không thể hiện sự chứng kiến và chỉ ranh đất của Ông X và bà E1. Đáng lẽ ra, tòa án phúc thẩm cần phải hủy một phần bản án về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, anh T và chị Y cùng thống nhất, nếu Tòa án

phúc thẩm giao căn nhà (tài sản chung vợ chồng) cho ai thì người đó có trách nhiệm hoàn trả giá trị nhà đất cho người còn lại và tự thỏa thuận việc sử dụng đất với gia đình ông X, bà E1. Cho nên Tòa án phúc thẩm không cần thiết hủy bản án sơ thẩm và xét xử theo hướng giao toàn bộ căn nhà diện tích: 62,4 m<sup>2</sup> gắn liền với đất thuộc một phần của thửa đất số 1, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 02 cây mai vàng trên đất cho Chị Y sở hữu, sử dụng và định đoạt, chị Y có trách nhiệm hoàn trả giá trị nhà đất cho anh T với số tiền 177.392.800đồng : 2 = 88.696.400đồng. Chị Y được toàn quyền thỏa thuận với gia đình ông X, bà E1 về việc sử dụng phần đất chuyển nhượng theo giấy tay ghi ngày 23/11/2021.

Từ những căn cứ, phân tích như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Y và anh T
- Giao 02 con chung cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con đối với 01 con chung tên Nguyễn Quốc H2, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng;
- Tài sản chung: Giao cho chị Y toàn quyền sở hữu sử dụng căn nhà có diện tích 62,4 m<sup>2</sup>, 02 cây mai vàng thuộc một phần của thửa đất số 1, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hiện phần đất do ông Trần Văn X đứng tên quyền sử dụng đất.
- + Chị Y có nghĩa vụ thối chia cho anh T trị giá tài sản chung 88.696.400đồng
- + Chị Y được toàn quyền thỏa thuận với gia đình ông X, bà E1 về việc sử dụng phần đất chuyển nhượng theo giấy tay ghi ngày 23/11/2021.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, Điều 38, Điều 39, Điều 51, Điều 55, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật dân sự ;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T về việc cấp dưỡng nuôi con. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 69/2024/HNGĐ- ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Y về việc yêu cầu chia tài sản chung là phần đất có diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup> tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 08 cây mai vàng đang trồng trên phần đất này; 01 chiếc xe máy hiệu TAURUSSR; 01 dàn máy Karaoke, 01 chiếc xe ba gác và 01 chiếc xe máy Exciter.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Y.

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn với nhau.

3.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 13/7/2009 và Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 26/11/2012 cho chị Trần Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Quốc H2, sinh ngày 26/11/2012 mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Y có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành án đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2.3. Về tài sản chung:

- Xác định tài sản chung của chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Văn T là phần đất trồng cây lâu năm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 23/11/2021 (giấy tay) và 01 căn nhà có diện tích: 62,4 m<sup>2</sup> gắn liền với đất thuộc một phần của thửa đất số 1034, tờ bản đồ số 01, diện tích 899 m<sup>2</sup> (Nay là thửa đất số 1, tờ bản đồ số 17) tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và 04 cây mai vàng trên đất.

+ Chia cho chị Y trực tiếp quản lý, sử dụng và định đoạt 01 căn nhà có kết cấu: Mái tôn, cột kèo thép, vách tôn, nền xi măng + nền gạch ceramic 500 x 500 + nền đất, diện tích: 62,4 m<sup>2</sup> gắn liền với đất thuộc một phần của thửa đất số 1, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (theo giấy tay chuyển nhượng ngày 23/11/2021) và 02 cây mai vàng trên đất.

- Chia cho anh T 02 cây mai vàng trên phần đất theo giấy tay chuyển nhượng ngày 23/11/2021, thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Buộc chị Y có nghĩa vụ hoàn lại cho anh T ½ giá trị căn nhà và đất là 88.696.400 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả tiền cho anh T thì chị Y được toàn quyền thỏa thuận việc sử dụng đất với hộ gia đình ông Trần Văn X, bà Huỳnh Thị E và anh Trần Thanh P đối với phần đất chuyển nhượng theo giấy tay chuyển nhượng ngày 23/11/2021 là một phần của thửa đất số 1034, tờ bản đồ số 01, diện tích 899 m<sup>2</sup> (Nay là thửa đất số 1, tờ bản đồ số 17) tọa lạc tại ấp G, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Y chậm thi hành án đối với số tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả lại cho chị Trần Thị Y ½ số tiền đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 2.227.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

#### 5. Về án phí:

- Chị Trần Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 4.434.800 đồng án phí chia tài sản chung, tổng cộng là 4.734.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.925.000 đồng theo biên lai số 0017345 ngày 14/3/2023 và biên lai số 0017346 ngày 14/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên hoàn lại cho chị Y số tiền 5.190.200 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con và 4.434.800 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng cộng là 4.734.800 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do anh T nộp theo biên lai thu tiền số 0002641 ngày 06/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên phải nộp tiếp số tiền 4.434.800 đồng án phí sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 14 giờ ngày 05 tháng 9 năm 2024.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Đạt**